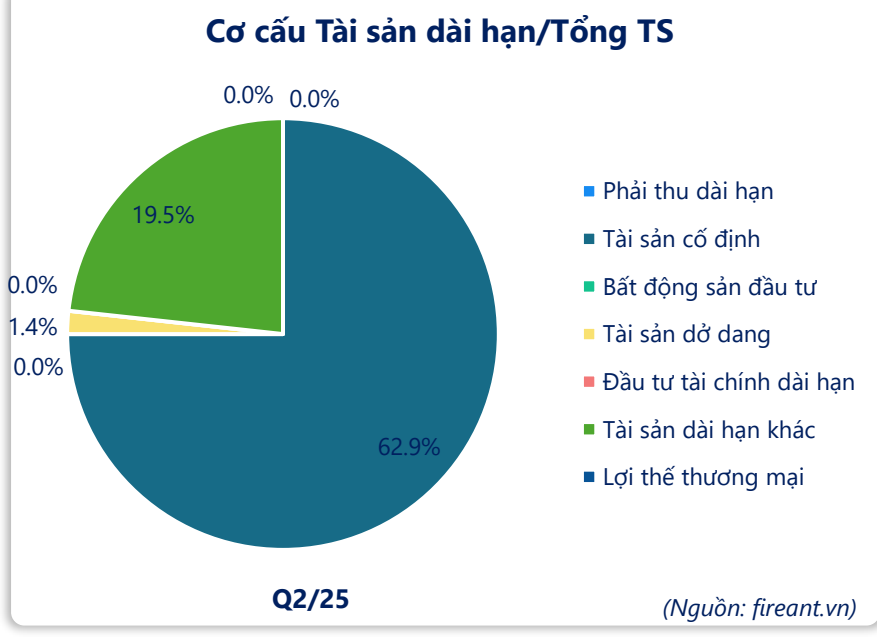
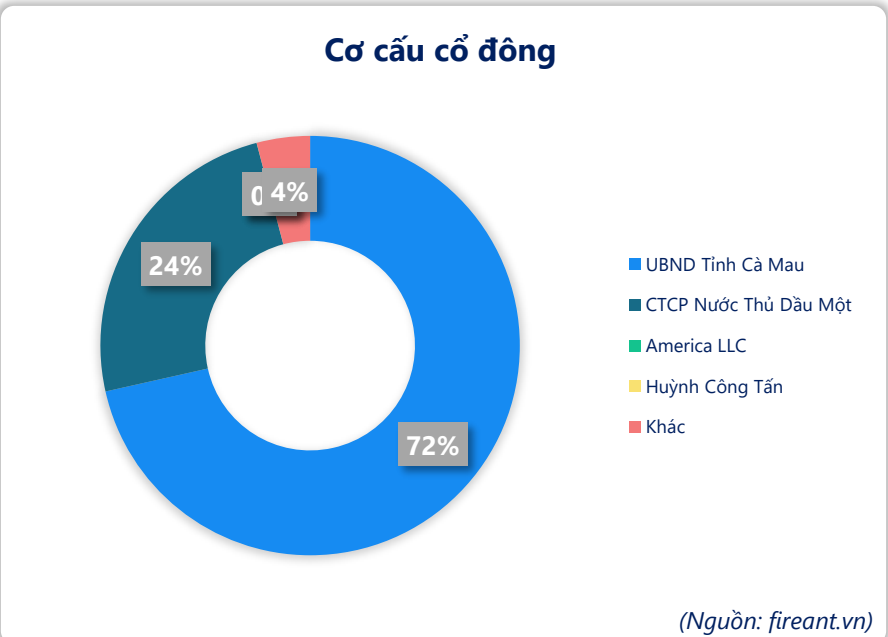
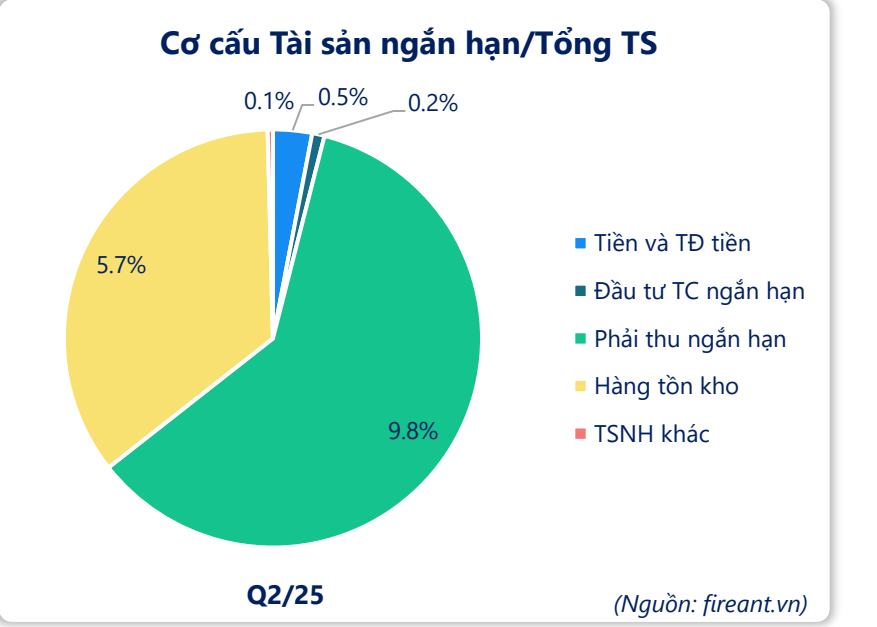
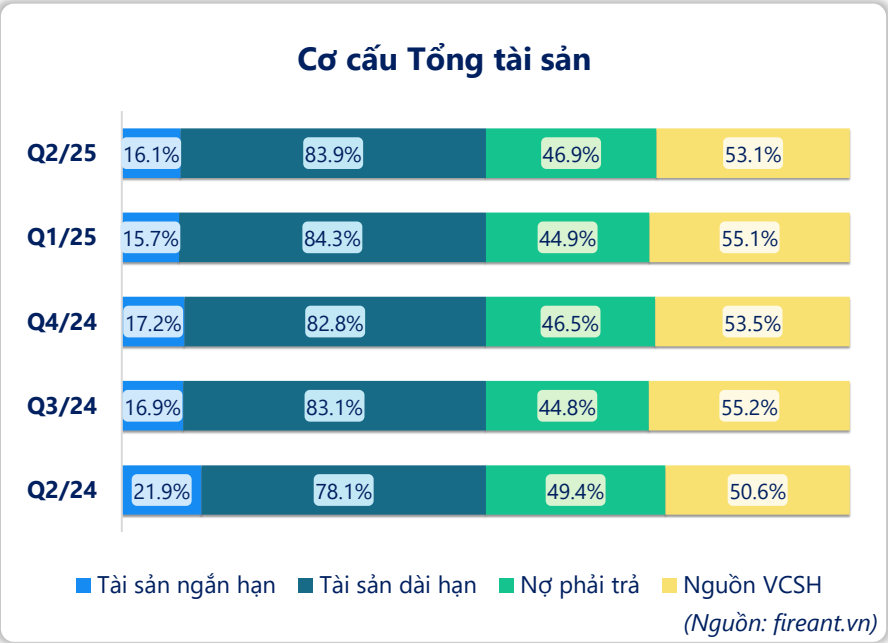
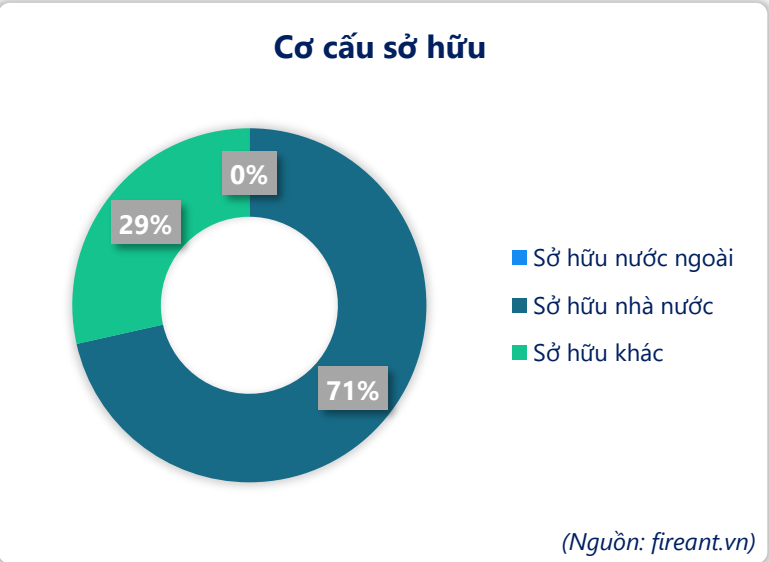
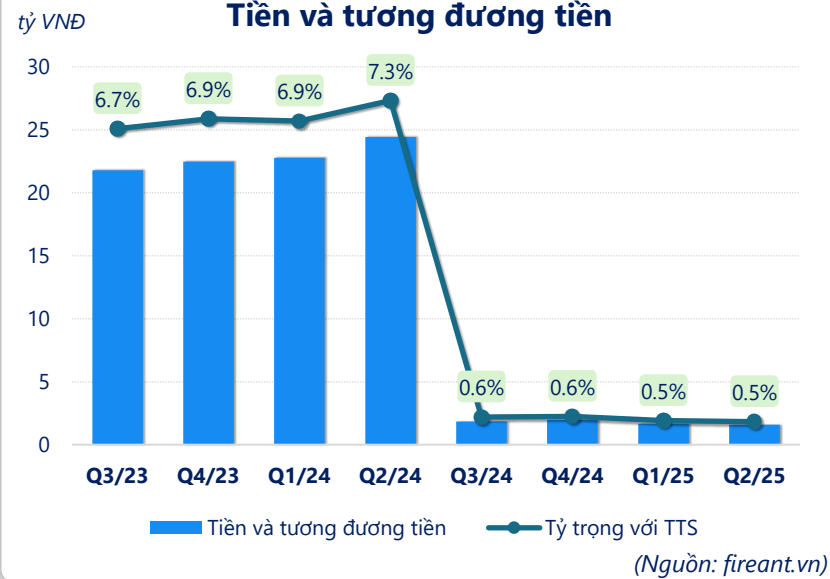


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,929
SL cổ phiếu LH		15,534,900
KLGD BQ 20 phiên (CP)		765
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		200
P/E		12.3
EPS		1,046

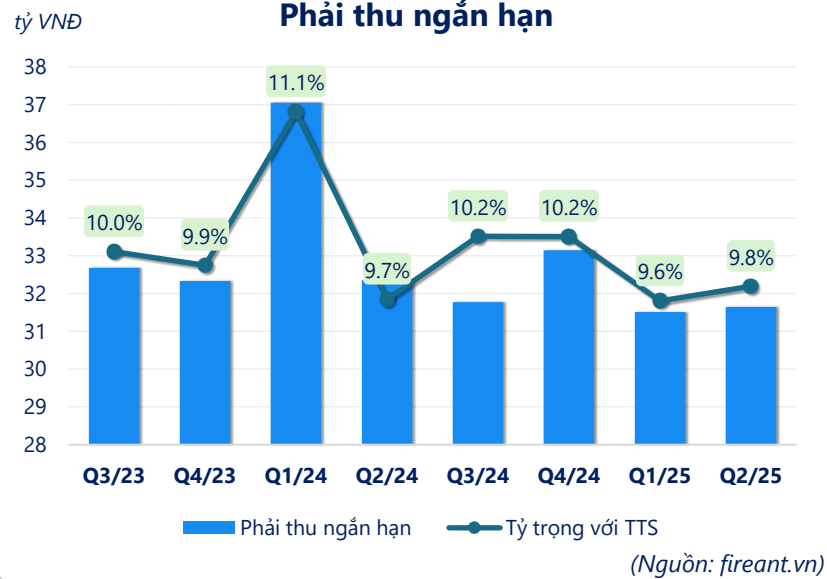
	YTD	1T	3T	6T
CMW	2.4%	-33.2%	-4.4%	-0.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%



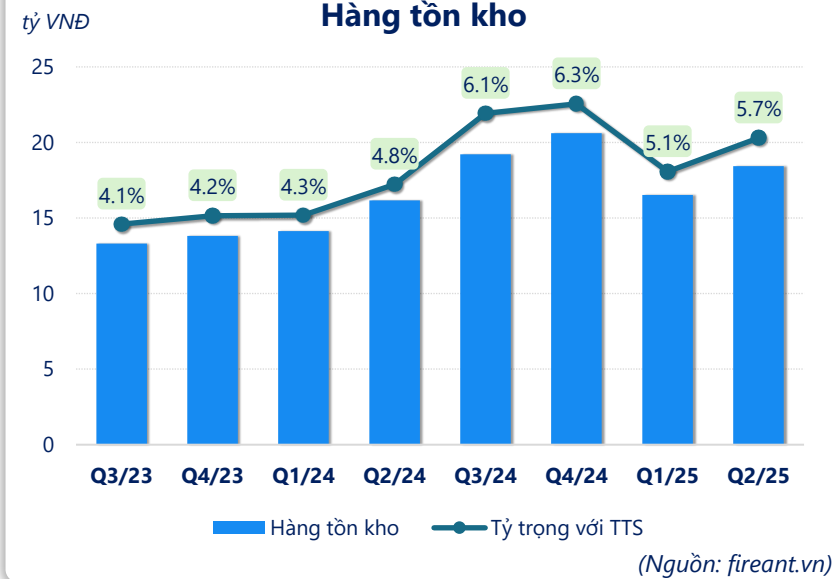
Tiền và tương đương tiền



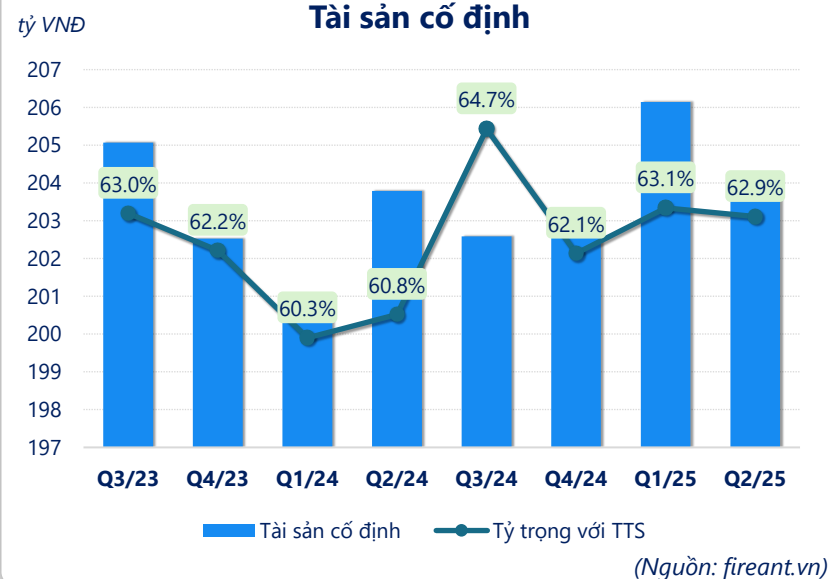
Phải thu ngắn hạn



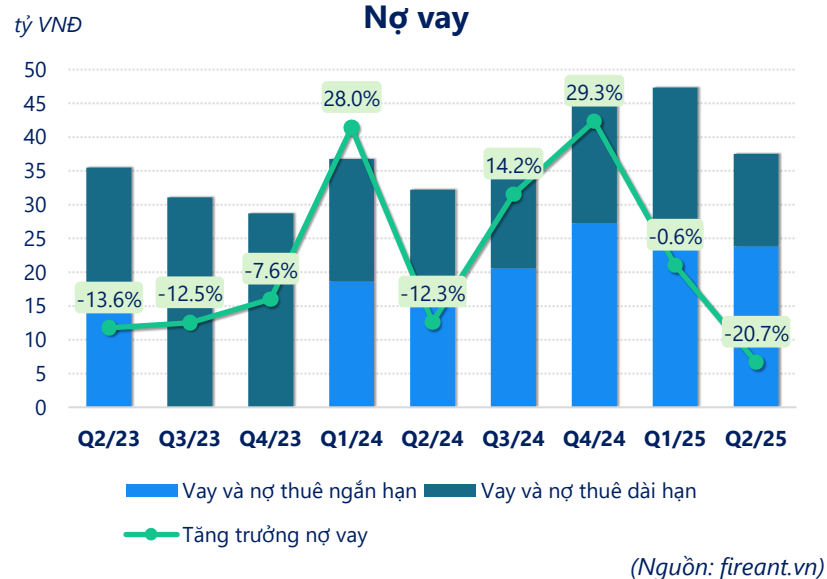
Hàng tồn kho



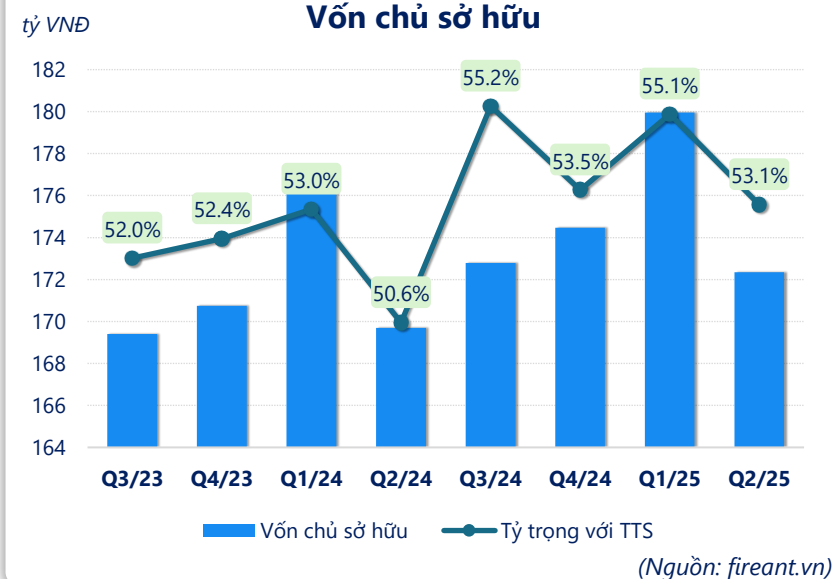
Tài sản cố định

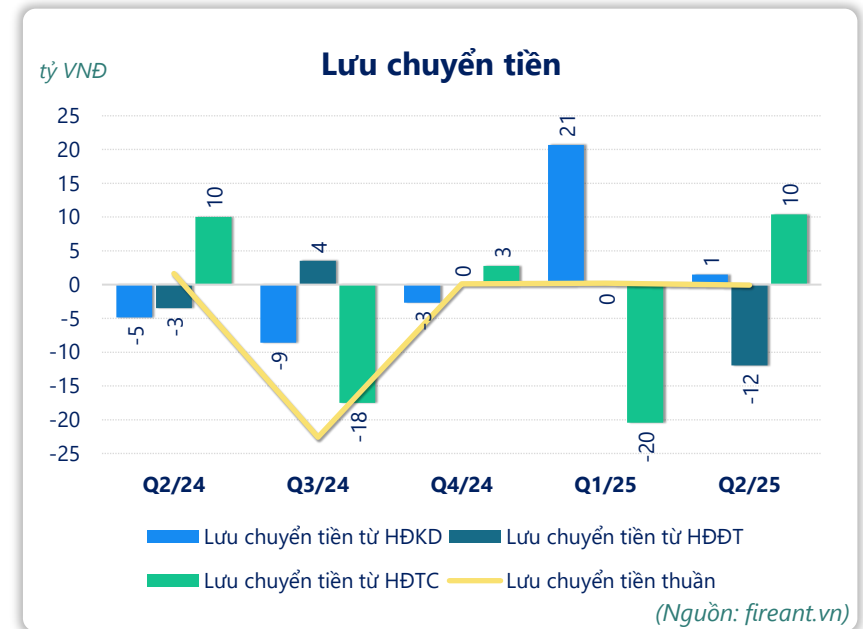
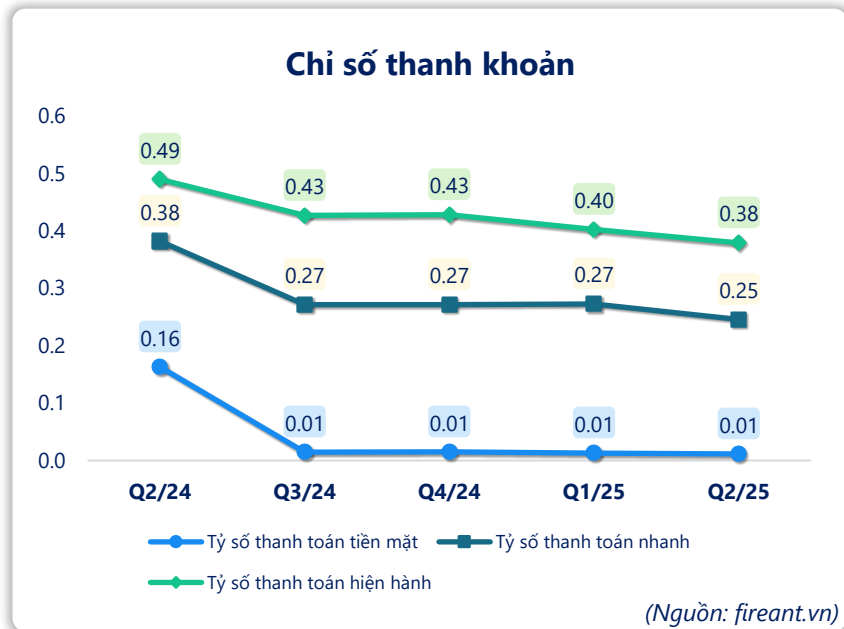
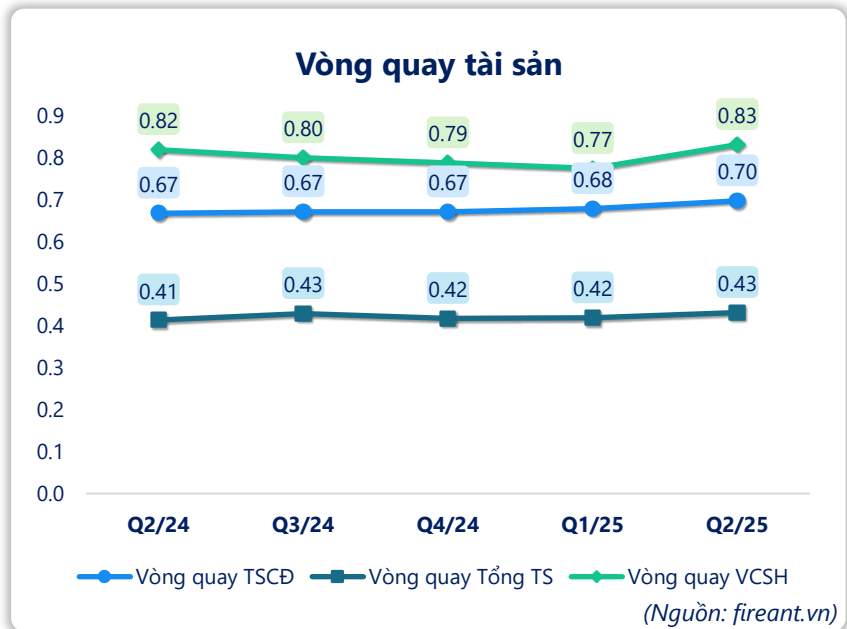
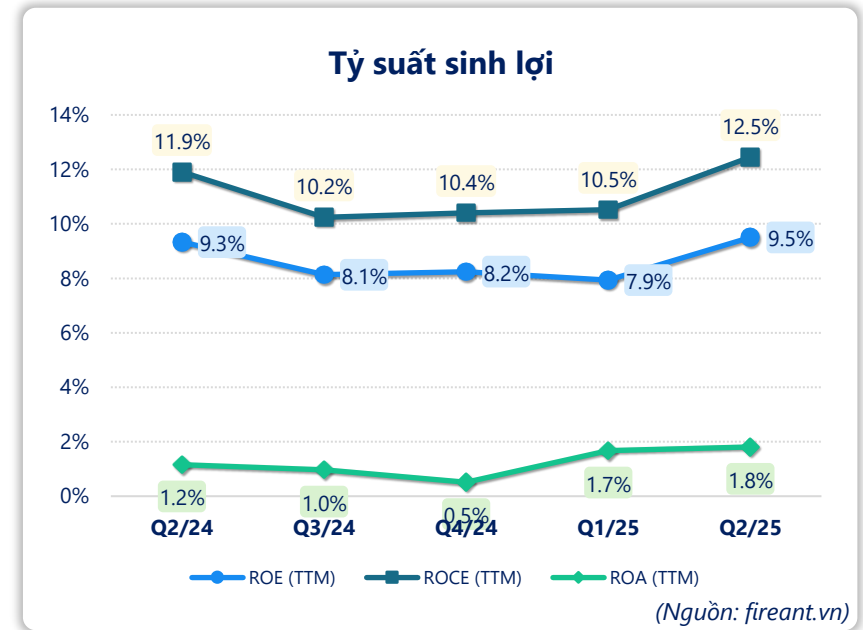
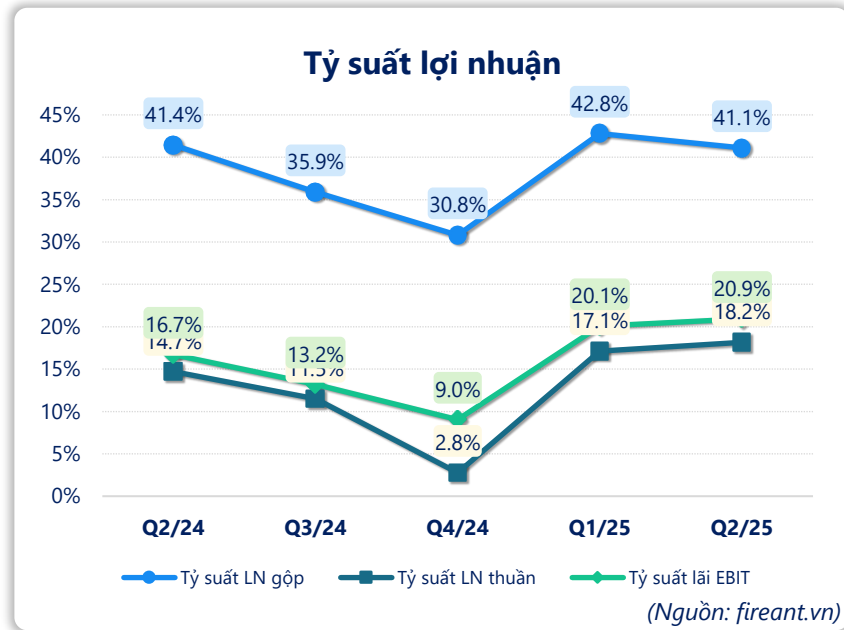
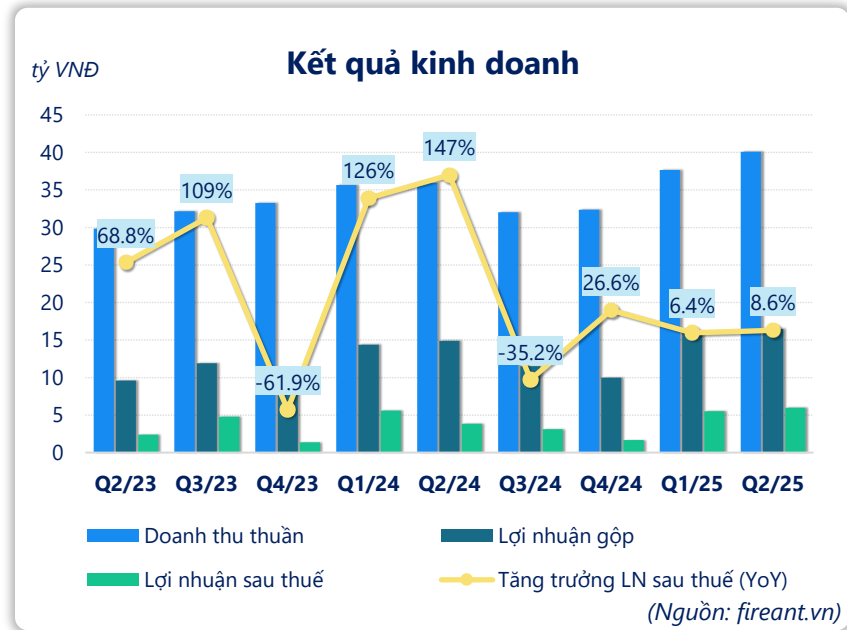


Nợ vay



Vốn chủ sở hữu





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	324	326	-0.6%
Tài sản ngắn hạn	52.4	56.3	-7.0%
Tiền và tương đương tiền	1.58	1.46	8.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.50	0.50	0.0%
Phải thu ngắn hạn	31.6	33.1	-4.5%
Hàng tồn kho	18.4	20.6	-10.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	0.57	-63.2%
Tài sản dài hạn	272	270	0.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	204	203	0.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.69	8.11	-42.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	63.3	59.3	6.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	152	152	0.0%
Nợ ngắn hạn	138	133	3.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.8	28.8	-17.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.1	15.5	-28.3%
Nợ dài hạn	13.7	18.8	-27.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	13.7	18.8	-27.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	172	174	-1.2%
Vốn chủ sở hữu	172	174	-1.2%
Vốn điều lệ	155	155	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	35.9	32.0	32.4	37.7	40.1
Giá vốn hàng bán	21.0	20.6	22.4	21.6	23.6
Lợi nhuận gộp	14.9	11.5	9.97	16.1	16.5
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.02	0.00	0.00
Chi phí TC	0.67	0.35	0.83	0.56	0.82
Chi phí lãi vay	0.67	0.35	0.83	0.56	0.82
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.28	1.29	1.37	1.41	1.36
Chi phí QLDN	7.65	6.17	6.90	7.71	7.01
LN thuần từ HĐKD	5.27	3.69	0.90	6.45	7.28
Lợi nhuận khác	0.05	0.19	1.20	0.56	0.29
LN trước thuế	5.33	3.88	2.10	7.01	7.56
Lợi nhuận sau thuế	3.85	3.10	1.67	5.51	5.96
LNST của CĐ cty mẹ	3.85	3.10	1.67	5.51	5.96

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.88	-8.60	-2.66	20.7	1.48
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.49	3.52	0	-0.06	-11.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	10.0	-17.5	2.79	-20.4	10.4
Tiền đầu kỳ	22.8	24.4	1.84	1.46	1.66
Lưu chuyển tiền thuần	1.64	-22.6	0.12	0.20	-0.08
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	24.4	1.84	1.96	1.66	1.58

(Nguồn: fireant.vn)